

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm/năm 2025

Thực hiện Công văn số 1224/SGDDĐT-GDTrH ngày 24/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm/năm 2025; UBND huyện Ba Tơ báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN THỨ NHẤT ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên các báo viết, báo điện tử, phát thanh nhằm tiếp tục triển khai sâu rộng và thiết thực phong trào thi đua “Ba Tơ chung sức xây dựng nông thôn mới”, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên và người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện chỉ tiêu về giáo dục trên địa bàn.

b) Có nhiều chuyển biến tích cực trong thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” thuộc lĩnh vực giáo dục như: Cơ sở vật chất trường học ngày càng được đầu tư khang trang, đảm bảo tiêu chuẩn; chất lượng giáo dục được nâng cao; huyện quan tâm đến công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và các trường thuộc các xã về đích nông thôn mới trong thời gian gần nhất.

c) Công tác tuyên truyền, vận động của các địa phương, các ngành, cán bộ, giáo viên và người dân đối với việc triển khai thực hiện các tiêu chí về giáo dục đã có chuyển biến thực sự về nhận thức, phát huy vai trò trong quá trình thực hiện các tiêu chí về giáo dục trên địa bàn.

d) Thuận lợi, khó khăn

* Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương là yếu tố quyết định sự thành công đối với công tác thực hiện quá trình thực hiện các tiêu chí về giáo dục; chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động.

- Sự chung tay, đồng lòng của người dân, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc xây dựng nông thôn mới.

* Khó khăn:

- Nguồn vốn huyện có giới hạn nên cân đối phân bổ cho giáo dục còn hạn chế.
- Một số trường học trên địa bàn huyện chưa đủ diện tích tối thiểu để đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thiếu các hạng mục cơ sở vật chất tối thiểu; một số trường học đã được đầu tư, xây dựng từ trước đã có dấu hiệu xuống cấp, diện tích phòng học, phòng bộ môn tạm thời chưa cải tạo được để đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, trung học theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và quy định về phòng học bộ môn theo thông tư 14/2020/TT-BGDĐT; Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT.
- Một số Ban Chỉ đạo PCGD-XMC xã chưa có các biện pháp hữu hiệu trong việc duy trì và nâng cao chất lượng các chuẩn PCGD-XMC, tình trạng học sinh bỏ học (nhất là học sinh ở cấp THCS) vẫn còn diễn ra, ảnh hưởng đến kết quả PCGD.

2. Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và cơ chế chính sách đối với giáo dục đảm bảo kịp thời, phù hợp, có tác động tích cực đến giáo dục, cụ thể:

- Văn bản về cơ chế chính sách (*Phụ lục 2 kèm theo*);
- Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành (*Phụ lục 2 kèm theo*);

b) Công tác chỉ đạo thực hiện tiêu chí giáo dục ở huyện

- Công tác chỉ đạo, điều hành có những thuận lợi: Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, đã ban hành văn bản chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai các văn bản quy định của Trung ương và của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác.

- Những nội dung công việc chỉ đạo đã thực hiện và kết quả đạt được:

+ Thường xuyên tổ chức làm việc với các ngành, địa phương về xây dựng nông thôn mới năm 2025 và kế hoạch đến. Việc này đã tạo điều kiện cho các địa phương báo cáo kết quả rà soát xây dựng nông thôn mới năm 2025 (đánh giá chi tiết từng tiêu chí, tiêu chí thành phần theo Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh; trong đó có tiêu chí về trường học, giáo dục và đào tạo), nêu khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp, nhu cầu cụ thể của địa phương để hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới để đạt chuẩn NTM theo lộ trình.

+ Thành lập các đoàn kiểm tra, rà soát tiêu chí nông thôn mới tại các xã để kiểm tra, rà soát, đánh giá, góp ý, tư vấn, đề xuất UBND huyện theo dõi, chỉ đạo.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, huyện đã chỉ đạo rà soát, thẩm tra tiêu chí nông thôn mới đối với 02 xã: Ba Liên và Ba Điền.

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội làm tốt công tác thông tin tuyên truyền chủ trương xây dựng nông thôn mới.

+ Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng các tiêu chí liên quan lĩnh vực giáo dục để xây dựng kế hoạch, lộ trình đạt chuẩn phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, từng đơn vị.

+ Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn gắn với nhiệm vụ thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

+ Tổ chức triển khai thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua thiết thực gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới của địa phương.

+ Công tác giáo dục đã được chính quyền thường xuyên quan tâm, thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong giáo dục, đầu tư sửa chữa trường lớp, mua sắm thêm các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học của các trường, phong trào xã hội hoá giáo dục, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập ngày càng đi vào chiều sâu, chất lượng các cấp học được nâng lên. Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục.

- Những hạn chế, tồn tại cơ bản và nguyên nhân:

+ Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học chủ yếu ưu tiên cho các trường thuộc xã có kế hoạch về đích nông thôn mới năm 2025 và những năm gần nhất; chưa có sự đầu tư đồng bộ cho tất cả các trường trong huyện. Lý do: Nguồn vốn phân bổ có giới hạn, số lượng trường lớp trên địa bàn huyện nhiều, việc đầu tư theo lộ trình.

+ Tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn xảy ra, nhất là học sinh THCS, ảnh hưởng đến kết quả phổ cập giáo dục. Nguyên nhân: Đời sống kinh tế người dân ở nhiều xã vẫn còn khó khăn, mức sống thấp nên chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em, nhận thức về tầm quan trọng của việc học chưa đúng đắn, thiếu định hướng cho con em.

+ Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động chưa hiệu quả.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Phát triển hạ tầng, kinh tế xã hội

Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất sự nghiệp giáo dục thực hiện năm 2025 là: 7.747 triệu đồng. Hiện đang hoàn thiện các thủ tục để trình phê duyệt dự toán và dự kiến triển khai trong tháng 5/2025.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục

Kết quả về nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn (Theo tiêu chí Giáo dục và đào tạo):

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi;

- Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học;
- Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở;
- Kết quả xóa mù chữ, chống tái mù chữ;
- Kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (Trường THPT, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên);
- Những khó khăn, vướng mắc: không

(Số liệu theo Phụ lục 3 kèm theo)

3. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực

a) Kết quả huy động, thực hiện các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn:

- Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp;
- Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn lồng ghép các chương trình, dự án; tín dụng; đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của người dân

(Số liệu theo Phụ lục 4 kèm theo)

b) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực: Thực hiện quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

4. Kết quả thực hiện tiêu chí về giáo dục

- Số xã đạt tiêu chí Trường học;
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo;
- Số xã đạt 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và đào tạo;
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục (Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao);
- Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao).

(Số liệu theo Phụ lục 5 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn huyện tổ chức việc rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Qua đó đã có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học nhằm đảm bảo thực hiện Tiêu chí 5: Trường học.

- Chỉ đạo củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; làm tốt công tác huy động học sinh trong độ tuổi đến trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học; bám sát quy định tiêu chí 14 về Giáo dục và Đào tạo theo Công văn số 2020/SGDĐT-GDTrH ngày 07/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Công văn số 1361/SGDĐT-GDTrH ngày 14/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sửa đổi, cụ thể hóa một số tiêu chí giáo dục để có kế hoạch thực hiện hiệu quả.

- Kết quả cụ thể:

+ Tiêu chí 5: Trường học

Tính đến tháng 6/2025, có 3/19 xã đạt tiêu chí Trường học, chiếm tỉ lệ 15,8%.

+ Tiêu chí 14: Giáo dục và Đào tạo

Tính đến tháng 6/2025 có 7/19 xã đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo, chiếm tỉ lệ 36,8%.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

- Cơ sở vật chất trường lớp đã được quan tâm đầu tư xây mới, nâng cấp hàng năm. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của nhiều trường vẫn chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu và các mức độ theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như thiếu phòng chức năng, các phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, đồ chơi, cơ sở vật chất xuống cấp, hư hỏng,...

- Một vài trường có diện tích đất hẹp chưa đạt diện tích đất bình quân/1 học sinh theo quy định đối với huyện miền núi.

- Một bộ phận người dân chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em, tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn diễn ra.

2.2. Nguyên nhân

- Nguồn vốn ngân sách huyện hạn hẹp nên chưa thể đầu tư đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của các cơ sở giáo dục trên đại bàn trong thời gian ngắn.

- Đời sống kinh tế - xã hội của người dân còn nhiều khó khăn nên chưa quan tâm, động viên, hỗ trợ đến việc học tập của con em.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đạt tiêu chí Trường học và Giáo dục đào tạo đối với các xã về đích nông thôn mới năm 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Số xã đạt tiêu chí Trường học: 5/19
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo: 9/19
- Số xã đạt 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và đào tạo: 3/19
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục (Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao): 0
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục (Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao): 0

(Số liệu theo Phụ lục 3 kèm theo)

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện

- Tuyên truyền, triển khai các văn bản quy định về nông thôn mới.
- Nâng cao duy trì, củng cố vững chắc thành quả chất lượng, hiệu quả các tiêu chí trường học và giáo dục cho các xã để đạt tiêu chí nông thôn mới.
- Chỉ đạo hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn.

2. Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình

- Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng để thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá giáo dục, tiếp tục tranh thủ các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.
- Tiếp tục phối hợp với các tổ chức, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận cao trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.
- Tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí liên quan lĩnh vực giáo dục để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phù hợp.
- Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện gắn với nhiệm vụ thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.
- Tiếp tục các giải pháp tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp, hạn chế thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng mức vốn: 7.747 triệu đồng

2. Cơ cấu nguồn lực

- a) Ngân sách Nhà nước: Trực tiếp và lồng ghép: 0; ngân sách các cấp: 7.747 triệu đồng;
- b) Vốn đầu tư, vốn sự nghiệp: 0
- c) Vốn tín dụng: 0
- d) Vốn doanh nghiệp: 0
- đ) Vốn huy động từ người dân và cộng đồng: 0

e) Vốn đầu tư, vốn sự nghiệp: 0

f) Vốn tín dụng: 0

g) Vốn doanh nghiệp: 0

h) Vốn huy động từ người dân và cộng đồng: 0

(Số liệu theo Phụ lục 4 kèm theo)

3. Dự kiến kế hoạch vốn theo các nội dung thực hiện

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT;
- VP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, GDĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Thành Minh Thuận

Phụ lục 2

**CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH ĐỂ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Ba Tơ)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Đơn vị ban hành	Ghi chú
I	Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành						
1	Quyết định	22/4/2022	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025	Thành lập hệ thống bộ máy chỉ đạo, điều hành		UBND huyện Ba Tơ	
2	Quyết định	28/7/2022	Về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Ba Tơ giai đoạn 2021-2025	Thành lập cơ quan tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở huyện		UBND huyện Ba Tơ	
3	Nghị quyết	24/8/2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự			HĐND huyện Ba Tơ	

			án khác				
4	Kế hoạch	17/4/2023	Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023	Đánh giá kết quả thực hiện chương trình năm 2022, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình năm 2023		UBND huyện Ba Tơ	
5	Nghị quyết	06/3/2024	Về phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Thống nhất Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		HĐND huyện Ba Tơ	
6	Quyết định	Số 51./QĐ-UBND ngày 21/5/2024	Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Ba Tơ năm 2024	Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, mục tiêu năm 2024: 02 xã nông thôn mới và 15 thôn đạt chuẩn nông thôn mới		UBND huyện Ba Tơ	
7	Nghị quyết	Số 05/NQ-HĐND ngày 17/6/2024	Nghị quyết bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 03 xã: Ba Liên, Ba Điền, Ba Vì	Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách huyện, ngân sách tỉnh		HĐND huyện Ba Tơ	

8	Nghị quyết	Số 06/NQ-HĐND ngày 17/6/2024	Nghị quyết kế hoạch đầu tư công trung năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (đợt 2)	Thống nhất kế hoạch vốn đầu tư công trung năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách tỉnh		HĐND huyện Ba Tơ	
9	Kế hoạch	Số 149/KH-UBND ngày 17/7/2024	Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn huyện	Thẩm tra, lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ trình công nhận nông thôn mới		UBND huyện	
10	Công văn	Số 2768/UBND ngày 08/11/2024	Về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2024	Đôn đốc UBND các cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo tiến độ xây dựng nông thôn mới		UBND huyện	
II	Văn bản hướng dẫn về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực giáo dục						

Phụ lục 3

BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Ba Tơ)

TT	Chỉ số			Đơn vị tính	Cuối năm 2020		Hàng năm										Mục tiêu đến 2025	Tần suất báo cáo
					SL/ Tổng	Tỉ lệ	2021		2022		2023		2024		2025			
							SL/ Tổng	Tỉ lệ	SL/ Tổng	Tỉ lệ	SL/ Tổng	Tỉ lệ	SL/ Tổng	Tỉ lệ	SL/ Tổng	Tỉ lệ		
I	CHỈ SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH																	
1	Hạ tầng kinh tế xã hội	Cơ sở vật chất trường học	1.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Trường học	%	4/19	21,0 5	4/19	21, 05	4/19	21, 05	6/19	31 ,5 8	3/19	15, 8	3/19	15, 8	26,3	6 tháng
1.2. Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1			%	3/20	15	4/20	20	4/20	20	2/20	10	5/20	25	6/20	30	25	6 tháng	
1.3. Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2			%	2/20	10	2/20	10	2/20	10	5/20	25	0/20	0	0/20	0	30	6 tháng	
1.4. Tỷ lệ số trường tiểu học đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1			%	0	0	0	0	0	0	0/8	0	1/8	12. 5	1/8	12. 5	62.5	6 tháng	
1.5. Tỷ lệ số trường tiểu học đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2			%	1/8	12.5	1/8	12. 5	1/8	12. 5	1/8	12 .5	0/8	0	0/8	0	12.5	6 tháng	
1.6. Tỷ lệ số trường THCS đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1			%	0	0	0	0	0	0	0/7	0	1/7	14, 3	2/7	28. 6	42.9	6 tháng	

			1.7. Tỷ lệ số trường THCS đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2	%	2/7	28,6	2/7	28,6	2/7	28,6	2/7	28,6	0/7	0	0/7	0	14,3	6 tháng
			1.8. Tỷ lệ số trường PT có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	%	2/12	15,4	2/12	15,4	2/12	15,4	3/12	23,1	1/12	8,3	3/12	25	38,5	6 tháng
			1.9. Tỷ lệ số trường PT có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2	%	2/12	15,4	2/12	15,4	2/12	15,4	2/12	15,4	0/12	0	0/12	0	23,1	6 tháng
			1.10. Tỷ lệ trường THPT đạt tiêu chuẩn CSVC	%														
2	Nâng cao chất lượng giáo dục	Nâng cao chất lượng phát triển giáo dục ở nông thôn	2.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo	%	2/19	10,5	2/19	10,5	2/19	10,5	2/19	10,5	6/19	31,6	7/19	36,8	47,4	Hàng năm
			2.2. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giáo dục (Xã nông thôn mới nông cao)	%	0/19	0	0/19	0	0/19	0	0/19	0	0/19	0	0/19	0	0	Hàng năm
			2.3. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí Giáo dục	%	0/1	0	0/1	0	0/1	0	0/1	0	0/1	0	0/1	0	0	Hàng năm
			2.4. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Huyện nông thôn mới nâng cao)	%	0/1	0	0/1	0	0/1	0	0/1	0	0/1	0	0/1	0	0	Hàng năm
			2.5. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 05 tuổi	%	19/19	100	19/19	100	19/19	100	19/19	100	19/19	100	19/19	100	100	Hàng năm
			2.6. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi được phổ cập giáo dục mầm non	%	1210/1210	100	1136/1136	100	1106/1106	100	1048/1048	100	972/973	99,89	1029/1029	100	100	Hàng năm
			2.7. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 2	%	2/19	10,5	7/19	36,8	2/19	10,5	2/19	10,5	3/19	15,8	3/19	15,8	0	Hàng năm
			2.8. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 3	%	16/19	84,2	10/19	52,6	14/19	73,6	17/19	89,5	15/19	78,9	15/19	78,9	100	Hàng năm
			2.9. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi huy động được vào lớp 1	%	1244	99,9	1211	99,8	1133/1133	100	1085/108	100	1029/102	100	1029/102	100	100	Hàng năm

[illegible]

Phụ lục 4

**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NTM 6 THÁNG ĐẦU NĂM/NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Ba Tor)

[illegible]

Phụ lục 4

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Ba Tơ)

TT	Mục tiêu	Kết quả đến 31/12/2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm/năm 2025	Kế hoạch 6 tháng cuối năm/năm 2025	Ghi chú
I	THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CẤP XÃ				
1	Xã nông thôn mới				
	Số xã đạt tiêu chí Trường học	3/19	3/19	5/19	
	Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo	6/19	7/19	9/19	
	Số xã đạt cả 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và đào tạo	2/19	2/19	3/19	
2	Xã nông thôn mới nâng cao				
	Số xã đạt tiêu chí Giáo dục	0	0/19	0	
II	THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CẤP HUYỆN				
1	Huyện nông thôn mới				
	Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Nội dung 5.3. Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia, Nội dung 5.4 Trung tâm GDNN-GDTX đạt kiểm định chất lượng giáo dục)	0	0/1	0	
2	Huyện nông thôn mới nâng cao				
	Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Nội dung 5.3. Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia, Nội dung 5.4 Trung tâm GDNN-GDTX đạt kiểm định chất lượng giáo dục)	0	0/1	0	